

Bản án số: 63/2024/HS-ST

Ngày 27-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TP. CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Nhật Trường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Trần Thị Diễm Châu**

2/ Bà **Đoàn Sơn Lâm**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Thạch**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông **Ngô Thanh Hoàng** và bà **Trần Thị T** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng Quốc T1 (T) sinh ngày 20/02/1991; Nơi sinh: Cần Thơ; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Sửa điện thoại di động; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha: Nguyễn Văn N, sinh năm 1966; họ tên mẹ: Đặng Thị B, sinh năm: 1964; anh chị ruột: có 02 người lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1993; vợ: không có; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

2. Nguyễn Tăng Hoài T2 (Bòm) sinh ngày 18/8/2000; Nơi sinh: V, Cần Thơ; Nơi thường trú: Ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Nơi ở hiện nay: Ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha: Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1976; họ tên mẹ: Tăng Thị Phương T3, sinh năm: 1980; anh chị ruột: có 01 người sinh năm 2005; vợ: Hoàng Thị Duyên A, sinh năm 2003; con: 01 người sinh năm 2023; Tiền án: Không; Tiền

sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

3. Trần Hữu P, sinh ngày 01/9/2000; Nơi sinh: Vĩnh thanh, Cần Thơ; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật Giáo; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha: Trần Văn N1, sinh năm 1973; họ tên mẹ: Ngô Nhựt P1, sinh năm: 1983; anh chị ruột: có 03 người sinh năm 2004; vợ: không có; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

4. Nguyễn Chí K, sinh ngày 04/5/2006; Nơi sinh: T, Kiên Giang; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh kiên Giang nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha: Nguyễn Thành L, sinh năm 1969; họ tên mẹ: Nguyễn Thị N2, sinh năm: 1970; anh chị ruột: có 03 người nhỏ nhất sinh năm 1993 lớn nhất sinh năm 1999; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/03/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí K có ông Đặng Trú P2 trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố C.

5. Nguyễn Đức H (H) sinh ngày 26/8/1999; Nơi sinh: V, Cần Thơ; Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Ấp F, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ;; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha: Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1956; họ tên mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm: 1964; anh chị ruột: có 01 người sinh năm 1996; Tiền án: 09/6/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh tuyên phạt 15 tháng tù về tội “Trốn tránh nghĩa vụ quân sự”, chấp hành xong hình phạt ngày 09/7/2022, chưa được xóa án tích; Tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

6. Trương Tiểu L1 sinh ngày 28/01/2005; Nơi sinh: V, Cần Thơ; Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ;; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha: Trương Minh D, (đã chết); họ tên mẹ: Nguyễn Ngọc M1, sinh năm: 1986; anh chị ruột: có 01 người sinh năm 2011; vợ, con: Không có; Tiền án: Không; T4 sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

7. Nguyễn Văn Phi L2 sinh ngày 20/9/2006; Nơi sinh: V, Cần Thơ; Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha: Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1981; họ tên mẹ: Lê Thị P3, sinh năm: 1988; anh chị ruột: có 02 người lớn nhất sinh năm 2009 nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 tiền sự; Ngày 12/5/2023 bị Công an thị trấn T xử phạt 750.000 đồng về hành vi gây rối trật tự

công cộng. Đã nộp phạt ngày 29/6/2023. Tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội tiền sự chưa được xóa; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Phi L2 có bà Nguyễn Thị Diệu trợ G viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố C.

8. Nguyễn D1 (Béo) sinh ngày 02/5/2004; Nơi sinh: V, Cần Thơ; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha: Nguyễn Văn T5, sinh năm 1974; họ tên mẹ: Nguyễn Trần Thái U, sinh năm: 1984; anh chị ruột: có 01 người sinh năm 2002; vợ: không có; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

9. Nguyễn Thành D2 sinh ngày 01/10/2006; Nơi sinh: An Giang; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha: Nguyễn Thành C, sinh năm 1982; họ tên mẹ: Nguyễn Thị Phương D3, sinh năm: 1985; anh chị ruột: có 01 người sinh năm 2019; vợ: không có; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành D2 có ông Nguyễn Hoàng D4 trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố C.

Bị hai:

- Ông Dương Công H2, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Ông Triệu Thế Q, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Lê Ngọc N3, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Ông Lê Văn Chí T6, sinh năm 2003

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Ông Nguyễn Hữu N4, sinh năm 1999

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ,

- Ông Nguyễn Trương Ngọc B1, sinh năm 1999

Địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Ông Nguyễn Minh K1, sinh năm 2004

Địa chỉ: ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Ông Triệu Quốc P4, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1949

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Bà Đào Thị Tuyết N5, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Bà Nguyễn Ngọc L3, sinh năm 1999

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ,

- Ông Phạm D5, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Bà Nguyễn Trần Thị Thái U, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Bà Trương Thị T7, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Bà Ngô Nhựt P1, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Ông Nguyễn Tùng G1, sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp F, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Bà Tăng Thị Phương T3, sinh năm 1980

- Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Bà Trần Thị M3, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp F, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

- Ông Trương Văn D6, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Bà Nguyễn Thị Phương D3, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Bà Lê Thị P3, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 22/02/2024 Nguyễn Hoàng Quốc T1 (tên thường gọi là Tuấn L4) cùng với Nguyễn Tăng Hoài T2 (có tên thường gọi là B2), Trần Hữu P, Nguyễn Đức H và Trương Tiểu L1 có đi đám sinh nhật của Nguyễn Ngọc L3 (tên gọi khác là L3 còi) nhà ở Khu dân cư L, thuộc ấp Q, xã T, huyện V. Tại đám sinh nhật thì 05 người ngồi chung bàn với 05 người lạ mặt khác cùng đi đám chung, lúc đó trong đám sinh nhật có nhóm của Dương Công H2 (tên thường gọi là Hậu G2) gồm có: Triệu Thế Q, Nguyễn Trương Ngọc B1, Nguyễn Minh K1, Lê Ngọc N3 (tên thường gọi là K2); Lê Văn Chí T6 (tên gọi khác là B3), Nguyễn Hữu N4 và một số người khác ngồi ở bàn riêng gần đó. Lúc này, T2 và H có nói với nhau về sự việc 4- 5 năm trước T2 và H bị nhóm của H2 đánh gây thương tích ở quán K4, ngoài số A thuộc ấp V, thị trấn V và ý định T2 và H muốn đánh H2 để trả thù, sau đó T2 có kể lại sự việc cho T1 nghe và nhờ T1 nếu nhóm của H2 đánh T2 thì tiếp đánh lại. Lúc này, T1 đồng ý nên T1 đã gọi điện thoại cho Nguyễn D1 đem dao tự chế (mã tấu) đến khu dân cư L để đánh nhau với nhóm của H2. Lúc D1 nghe điện thoại của T1 thì có Nguyễn Văn Phi L2 và Nguyễn Chí K ngồi ở đó nên cũng nghe sự việc T1 kêu D1 mang dao tự chế ra L để đánh nhau, nên Phi L2 và K đi theo D1 mang theo 02 cây dao tự chế bằng kim loại màu đen ra khu dân cư L đưa cho T1, nhưng khi ra đến khu dân cư Láng S2 thì D1 không đưa trực tiếp 02 cây dao cho T1 mà đưa cho T2. Khi D1 đưa 02 cây dao cho T2 thì P và H mỗi người lấy 01 cây dao từ T2 để phòng hờ đánh nhau với nhóm của H2. Lúc này, T1, Tiểu L1, T2, P, H, D1, K và Phi L2 đứng ở khu dân cư L đợi H2, nhưng đợi khoảng 10 đến 15 phút không thấy H2 đi ra nên D1, K và Phi L2 mới chạy xe đi về nhà của D1. Khi đó chỉ còn có T1, Tiểu L1, T2, H và P ở lại khu dân cư Láng Sen chờ H2 ra để đánh. Cùng thời điểm này H2 nghe tin T1, T2 có ý định chặn đường đánh mình nên H2 có nói cho Q, T6, N4, N3, B1 và K1 nghe sự việc, nên lúc này H2 cùng với Q, N3 và T6 đi tìm T1 để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn, còn B1, N4 và K1 đứng ở cuối khu dân cư không đi theo. Khi đi thì N3 không cầm theo hung khí gì chờ H2 cầm theo 01 cái bóng đèn tròn loại 1,2 mét, Q thì cầm theo 02 khúc cây, T6 cầm theo 01 cái ấm siêu tốc bằng kim loại đến gặp T1 để nói chuyện, khi đó T2, P và H thấy nhóm người của H2 đến thì lên xe bỏ chạy về hướng số A, thị trấn V chỉ còn T1 và Tiểu L1 ở lại, Tiểu L1 sợ bị đánh nên nhặt 01 khúc cây dài khoảng 01 mét để thủ thân, còn T1 thì không cầm theo hung khí gì. T1 và Tiểu L1 có nói chuyện qua lại với nhóm của H2 và

Q một lúc khi đó H2 có lớn tiếng chửi T nhưng được T1 can ngăn nên không xảy ra sự việc đánh nhau và cả hai nhóm giải tán đi về. Lúc này, T1 điện thoại trực tiếp cho T2 kêu T2, H và P quay lại khu Dân cư Láng Sen để đánh nhau với nhóm của H2 và Q. Đồng thời T1 cũng điện thoại cho D1 chạy ra khu dân cư Láng Sen để hỗ trợ đánh nhóm của H2, lúc này thì K và Phi L2 muốn đi theo ra khu dân cư L để đánh nhau, nên D1 điều khiển xe mô tô cầm theo 01 cây gậy 3 khúc chờ Phi L2 không cầm hung khí gì, còn K điều khiển xe mô tô một mình cầm theo 01 cây dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 60cm ra khu dân cư L để tham gia đánh nhau, dọc đường thì thấy 01 kết vỏ chai nước ngọt đang để ở mé đường Quốc lộ 80 nên K lấy để lên xe mang theo.

Cùng lúc đó khi T2, H và P chạy xe mô tô quay trở lại khu dân cư L thì trên đường đi H có điện thoại cho Nguyễn Thành D2 kêu chạy ra khu dân cư L có công việc, nhưng không nói cụ thể là đi đánh nhau với ai. D2 một mình điều khiển xe mô tô chạy ra và không đem theo hung khí gì. Khi D2 chạy ra đến khu dân cư Láng S2 phía ngoài Quốc lộ H thì D2 gặp T1, Tiểu L1, T2, H, P, lúc này D2 biết việc cả nhóm muốn đi đánh nhau với nhóm của H2 và Q và cũng đồng ý đi theo chung. Cả nhóm cùng nhau đi từ khu dân cư L về hướng thị trấn T khi đến gần Cầu L, thuộc ấp Q, xã T, huyện V thì gặp D1, K và Phi L2 chạy từ hướng thị trấn T ra tới, khi đó D1, K và Phi L2 nhập chung vào nhóm của T1 và cùng đi về hướng cầu L. Lúc này, H2 cũng đang đứng ở bên trên Cầu L cùng với Q, N3, N4, B1 và K1, hai bên xảy ra hỗn chiến dùng chai thủy tinh ném nhau.

Tại thời điểm đánh nhau thì T1, Tiểu L1 và D2 không cầm hung khí gì, K, P và H mỗi người cầm 01 cây dao tự chế bằng kim loại, Phi L2 cầm vỏ chai thủy tinh, D1 cầm cây gậy 3 khúc để đánh nhau; Phi L2 cầm vỏ chai thủy tinh do K mang đến ném vào nhóm người của H2 nhưng không xác định được có trúng ai hay không, khi đó H2 lấy khúc cây vuông bằng gỗ dài khoảng 1,8 mét cặp mé đường đánh trúng vào người của H, lúc này H dùng dao chém 01 hoặc 02 nhát vào tay của H2 gây thương tích cho H2; Q thấy Hậu bị chém nên lấy khúc cây gỗ cặp mé đường để đánh lại và cầm vỏ chai thủy tinh ném lại trúng vào mí mắt của T2, còn N4 và N3 thấy Hậu bị đánh nên định nhặt khúc gỗ gần đó để đánh lại nhưng do khúc cây to quá nên N4 và N3 định dùng tay không để đánh lại bên nhóm của T1, nhưng chưa đánh được thì thấy bên nhóm T1 cầm dao rượt chém nên N4 và N3 bỏ chạy, cụ thể là N4 cùng H2 bỏ chạy bộ về hướng chợ L5, còn N3 lên xe mô tô hiệu Vespa bỏ chạy về hướng cống 11, thuộc ấp Q, xã T, lúc này, P thấy N3 lên xe bỏ chạy nên P lên xe mô tô hiệu VARIO của mình và cầm theo 01 cây dao tự chế đuổi theo N3, mục đích là để đánh N3 và khi đó D2 thấy P rượt đuổi theo N3 nên cũng chạy theo sau P để tiếp cho P đánh N3 nhưng khi chạy vào hướng cống 11 được một đoạn thì P và D2 đuổi theo không kịp và không đánh được N3 nên cả hai tìm đường đi về nhà. D1 thì dùng cây gậy 3 khúc đánh nhau với nhóm của H2 nhưng chưa gây thương tích cho ai. B1 và K1 khi thấy đánh nhau thì bỏ chạy trốn không tham gia đánh nhau. Sau khi H2, N4, N3 bỏ chạy chỉ còn lại Q ở lại trên Cầu L, sau đó đi xuống chân Cầu L thì T2 và Phi L2 dùng tay không đánh vào người Q, Tiểu L1 dùng chân đạp Q làm Q té ngã vào chân Cầu

L, sau đó K dùng dao tự chế chém 03 nhát trúng vào tay Q gây thương tích cho Q.

Căn cứ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 124/KLTTCT-TTPYCT, ngày 15/3/2024 của Trung tâm Pháp y thành phố C, xác định: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Triệu Thế Q tại thời điểm giám định là: 51%. Cơ chế hình thành vết thương: Thương tích của ông Triệu Thế Q phù hợp với cơ chế do vật sắc gây nên. Ngoài ra, trong Kết luận giám định còn kết luận: Hiện tại các vết thương và vết phẫu thuật của ông Triệu Thế Q đang lành, chưa đánh giá được mức độ ảnh hưởng chức năng. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của ông Triệu Thế Q, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V giám định bổ sung khi các vết thương và phẫu thuật đã lành (*Bút lục 95, 96*).

Căn cứ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 163/KLTTCT-TTPYCT, ngày 03/4/2024 của Trung tâm Pháp y thành phố C, xác định: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Dương Công H2 tại thời điểm giám định là: 15%. Cơ chế hình thành vết thương: Thương tích trên cơ thể của ông Dương Công H2 phù hợp với cơ chế do vật sắc gây ra (*Bút lục 97, 98*).

Tại bản Cáo trạng số: 58/CT-VKSVT ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Chí K, Nguyễn Hoàng Quốc T1, Nguyễn Tăng Hoài T2, Nguyễn Đức H, Nguyễn D1, Trương Tiểu L1, Nguyễn Văn Phi L2, Nguyễn Thành D2 và Trần Hữu P về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh giữ quyền công tố luận tội: Hành vi của của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí K phạm tội “Cố ý gây thương tích”, với mức án từ 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Quốc T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”, với mức án từ 04 năm tù đến 04 năm 09 tháng tù.

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tăng Hoài T2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”, với mức án từ 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên

bố bị cáo Nguyễn Quốc H3 phạm tội “Cố ý gây thương tích”, với mức án từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 134; Điều 17 điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy phạm T8 “Cố ý gây thương tích”, với mức án từ 03 năm 09 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trương Tiểu L1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”, với mức án từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 134; Điều 17 điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Phi L2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”, với mức án từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 134; Điều 17 điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành D2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”, với mức án từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 134; Điều 17 điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Hữu P phạm tội “Cố ý gây thương tích”, với mức án từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí K trình bày lời bào chữa: Đồng ý với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh đã truy tố bị cáo Nguyễn Chí K về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, 58, 91, 101 của Bộ luật hình sự, để tuyên phạt bị cáo Nguyễn Chí K mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, vừa thể hiện tính đề răn đe, giáo dục, vừa thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước, tạo cơ hội cho các bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình và trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Phi L2 trình bày lời bào chữa: Đồng ý với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Phi L2 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, 58, 91, 101 của Bộ luật hình sự, để tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn Phi L2 mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, vừa thể hiện tính đề răn đe, giáo dục, vừa thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo

của Đảng và Nhà nước, tạo cơ hội cho các bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình và trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành D2 trình bày lời bào chữa: Đồng ý với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành D2 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật tuy nhiên mức đề nghị hơi cao so với hành vi bị cáo D2 gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, 58, 91, 101 của Bộ luật hình sự, để tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thành D2 mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng từ thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước, tạo cơ hội cho các bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình và trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Lời nói sau cùng: Tại phiên tòa, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 22/02/2024 các bị can Nguyễn Hoàng Quốc T1, Nguyễn Chí K, Nguyễn Tăng Hoài T2, Nguyễn Đức H, Nguyễn D1, Trương Tiểu L1, Nguyễn Văn Phi L2, Trần Hữu P và Nguyễn Thành D2 có hành vi cùng nhau tham gia đánh nhau gây thương tích cho phía các bị hại Triệu Thế Q và Dương Công H2. Các bị can phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, mặc dù các bị can không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho nhau, nhưng các bị can thống nhất ý chí với nhau trong việc gây thương tích cho người khác: Trong đó bị can T1 là người trực tiếp kêu bị can D1 đem theo hung khí là dao tự chế bằng kim loại ra khu dân cư L để tham gia đánh nhau, bị can K là người trực tiếp cầm dao tự chế chém bị hại Q 3 cái vào tay gây thương tích 51%, bị can T2 có hành vi dùng tay đâm vào vai của Q 01 cái, bị can Tiểu L1 dùng chân đá vô bụng Q 02 cái làm Q ngã xuống chân cầu để bị can K dùng dao chém Q, bị can Phi L2 dùng tay đánh vào vai của Q 01 cái và bị can H dùng dao chém bị hại H2 01 hoặc 02 vào tay và đùi gây thương tích 15%, bị can D1 có hành vi cầm cây gậy 3 khúc trực tiếp đánh

nhau với nhóm của bị hại H2 và Q, nhưng không gây thương tích cho ai; Bị can P có hành vi cầm dao là hung khí nguy hiểm tham gia rượt đuổi Lê Ngọc N3 là người bên nhóm của bị hại H2 và Q mục đích để đánh, tuy nhiên không đánh được nên không gây thương tích cho ai; Bị can D2 khi được bị can H rủ ra khu dân cư L có công việc, khi ra đến nơi biết sẽ xảy ra sự việc đánh nhau với nhóm của bị hại H2 nhưng vẫn đồng tình ủng hộ đi theo giúp sức nhóm của bị can H đánh nhau và khi thấy bị can P rượt đuổi theo N3 thì D2 cũng chạy đuổi theo P mục đích để cùng với P đánh N3, nhưng do đuổi theo không kịp nên không gây thương tích cho ai.

Xét ở góc độ nào đó thì trong vụ án này nhóm của các bị hại Q và H2 cũng có một phần lỗi, vì thực tế vào ngày xảy ra sự việc khi ở khu dân cư L thì H2 có cầm theo 01 cái bóng đèn tròn loại 1,2 mét, Q thì cầm theo 02 khúc cây, T6 cầm theo 01 cái ấm siêu tốc bằng kim loại đến gặp bị cáo T1 để nói chuyện, do thấy nhóm của H2 chạy xe đến do tưởng có đông người nên các bị cáo T2, H và P mới bỏ chạy về hướng số A, thị trấn V, đến khi ở trên cầu L thì H2 có lượm khúc cây vuông bằng gỗ dài khoảng 1,8 mét cặp mé đường đánh trúng vào người của bị cáo H, lúc này bị cáo H mới dùng dao chém vào tay của H2 gây thương tích; còn Q thì lượm khúc cây gỗ cặp mé đường để đánh lại và cầm vỏ chai thủy tinh ném lại trúng vào mí mắt của bị cáo T2, còn N4 và N3 cũng định lượm khúc gỗ gần đó để đánh lại nhưng do khúc cây to quá, đồng thời thấy nhóm của bị cáo T1 cầm hung khí rượt đuổi nên tất cả mới bỏ chạy. Đồng thời, trong lúc hỗn chiến thì nhóm của các bị hại (không xác định được là ai) có dùng khúc cây đập vỡ phần đầu xe mô tô của bị cáo K và sử dụng các vỏ chai thủy tinh chọi vào nhóm của các bị cáo làm chảy máu mí mắt của bị cáo T2. Những hành động trên vô tình làm cho cơn tức giận bộc phát của các bị cáo ngày càng được thôi thúc và đã thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi rủ rê, đề tụ tập, giúp sức đánh nhau gây thương tích cho các bị hại H2 và Q mà các bị cáo T1, K, T2, H, D1, Tiểu L1, Phi L2, P và D2 đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c và d - khoản 3, Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương

[3] Đánh giá tính chất đồng phạm, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, xét vai trò của các bị cáo tùy vào tính chất mức độ nguy hiểm mà các bị cáo phải chịu mức án tương xứng với hành vi của mình gây ra .

Đối với bị cáo T1 hoàn toàn không có mâu thuẫn gì với H2 và nhóm bạn của H2. Tuy nhiên, vì tình nghĩa anh em với các bị cáo T2, H mà bị cáo với vai trò là người rủ rê, lôi kéo tập hợp được thêm một số bị cáo khác đem hung khí ra để sẵn sàng đánh nhau khi có xung đột, do đó khi bị cáo điện thoại cho bị cáo D1 đem hung khí ra thì bị cáo K lúc này cũng có mặt và đi theo ra hiện trường và K là người trực tiếp dùng dao chém Q gây thương tật 51%, cũng nhờ có hung khí mà bị cáo D1 đem ra đã tạo điều kiện cho bị cáo H có hung khí để chém H2 gây

thương tích 15%. Vai trò của bị cáo T1 như tiếp sức về mặt tinh thần và động lực để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với bị cáo K là người đã trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm là cây dao tự chế bằng kim loại chém trúng tay của bị hại Q gây thương tích 51%, bị cáo có vai trò là người thực hành tích cực nhất trong vụ án, bị cáo cũng là người chở theo 01 kết vỏ chai thủy tinh lấy ở dọc đường đem theo đến hiện trường vụ án để làm hung khí ném vào nhóm bị hại. Tuy nhiên, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo K chưa đủ 18 tuổi, nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, tính bột bột và hung hăng không kiềm chế được bản thân dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội, sau khi sự việc xảy ra, được sự động viên của gia đình, bị cáo đã thành khẩn khai báo mọi hành vi phạm tội của mình, đồng thời gia đình bị cáo cũng tích cực thăm hỏi phía bị hại, bồi thường khắc phục hậu quả cho phía bị hại Q số tiền nhiều nhất, do đó phía bị hại Q đã làm đơn bãi nại, xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hành vi của bị cáo.

Đối với bị cáo H là người trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm là cây dao tự chế bằng kim loại chém trúng tay gây thương tích cho bị hại H2 15%, bị cáo cũng là người thực hành tích cực, đồng thời bị cáo còn là người điện thoại cho bị cáo D2 rủ ra ngoài số 10, mặc dù khi điện thoại cho bị cáo D2 bị cáo không nói với D2 là đi đánh nhau. Nhưng khi bị cáo D2 ra đến khu dân cư Láng S2, gặp nhóm của H thì mới biết sẽ xảy ra đánh nhau với người khác, lúc này D2 cũng đi theo giúp sức cho các bị cáo tham gia đánh nhau với nhóm của bị hại H2.

Đối với bị cáo T2 là người có vai trò khởi xướng, khơi nguồn sự việc đánh nhau, khi nhắc về mâu thuẫn đã xảy ra trước đây và có ý định nhờ bị cáo T1 giúp sức trong việc đánh nhau với nhóm của H2, mặc dù bị cáo không sử dụng hung khí gây thương tích cho ai, nhưng trong quá trình xô xát hỗn chiến, bị cáo T2 có sử dụng tay tác động đánh vào người của Q tạo điều kiện cho bị cáo K sử dụng hung khí chém Q.

Đối với bị cáo Tiểu L1 là người đi theo bị cáo T1, T2, P và H ngay từ đầu biết rõ nội dung sự việc mâu thuẫn, nhưng không can ngăn mà đồng tình ủng hộ việc các bị cáo tham gia đánh nhau gây thương tích cho nhóm của H2, bị cáo Tiểu L1 có sử dụng chân đạp vào người của Q làm Q té ngã vào chân cầu L tạo điều kiện cho bị cáo K chém gây thương tích cho Q.

Đối với bị cáo Phi L2 mặc dù không được ai rủ rê, nhưng khi bị cáo nghe bị cáo T1 điện thoại cho bị cáo D1 kêu đem hung khí ra thì bị cáo Phi L2 cũng tự nguyện đi theo giúp sức, khi đến khu vực cầu L xảy ra hỗn chiến thì bị cáo Phi L2 có sử dụng các vỏ chia nước ngọt bằng thủy tinh ném về phía nhóm của bị hại H2 và bị cáo cũng là người sử dụng tay để đánh vào người của bị hại Q tạo điều kiện cho bị cáo K chém gây thương tích cho Q.

Bị cáo D1 là người có vai trò chuẩn bị, cung cấp hung khí là các con dao tự chế để đem ra phục vụ cho việc các bị cáo tham gia đánh nhau gây thương tích

cho người khác, khi xảy ra xô xát trên cầu L thì bị cáo D1 cũng là người sử dụng gây ba khúc tham gia đánh nhau với những người khác bên nhóm của bị hại.

Đối với bị cáo P và bị cáo D2 là 02 người có vai trò giúp sức nhưng không đáng kể, vì mặc dù có tham gia cùng các bị cáo khác đánh nhau với nhóm các bị hại nhưng bị cáo P và bị cáo D2 không chém trúng ai hay gây thương tích cho ai. Hai bị cáo đi theo mục đích giúp sức về mặt lực lượng để trấn áp tinh thần cho phía bên các bị hại sợ.

Xét thấy hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh truy tố các bị cáo T1, K, T2, H, D1, Tiểu L1, Phi L2, P và D2 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo T1, K, T2, D1, Tiểu L1, P và D2 đều có nhân thân tốt.

Bị cáo Nguyễn Đức H có nhân thân xấu ngày 09/6/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh tuyên phạt 15 tháng tù về tội “Trốn tránh nghĩa vụ quân sự”, chấp hành xong hình phạt ngày 09/7/2022, chưa được xóa án tích.

Bị cáo Phi L2 có 01 tiền sự; Ngày 12/5/2023 bị Công an thị trấn T xử phạt 750.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng. Đã nộp phạt ngày 29/6/2023. Tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội tiền sự chưa được xóa.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường đủ và một phần thiệt hại cho bị hại; bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, gia đình bị cáo T2 là người có công cách mạng, gia đình bị cáo Phi L2 thuộc hộ cận nghèo. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn Phi L2, bị cáo Nguyễn Chí K, bị cáo Nguyễn Thành D2 được xác định là người chưa thành niên (dưới 18 tuổi) theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật hình sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Đức H chưa được xóa án tích mà tiếp tục tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng

Qua xem xét hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian qua trên địa bàn huyện V, thành phố Cần Thơ thường xảy ra tình trạng các thanh niên tụ tập thành băng nhóm và dùng hung khí nguy hiểm để đánh nhau rất mạnh động. Nhằm mục đích tuyên truyền pháp luật và đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần phải xử phạt thật nghiêm đối với loại tội phạm này. Vì vậy, cần phải cách ly các bị cáo T1, K, T2, H, D1, Tiểu L1, Phi L2, P và D2 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi

phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là phù hợp với quy định tại Điều 38, Điều 101 của Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Triệu Thế Q và anh Dương Công H2 tại phiên tòa yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường tổng số tiền là 446.100.000 cụ thể Q yêu cầu 346.100.000 đồng và H2 là 100.000.000 đồng

Hiện nay anh Q đã nhận 135.000.000 đồng anh H2 đã nhận 10.000.000 đồng đã nhận số tiền bồi thường. Cụ thể: Ông Nguyễn Thành L (cha bị cáo K3) bồi thường 65.000.000 đồng; ông Trương Văn D6 (Cậu của bị cáo L2) bồi thường 10.000.000 đồng; Ông Nguyễn Văn N (cha của bị cáo T1) bồi thường 10.000.000 đồng; bà Nguyễn Trần Thái U (mẹ của bị cáo D1) bồi thường 10.000.000 đồng; ông Nguyễn Tùng G1 (anh của bị cáo H) bồi thường 10.000.000 đồng; bà Lê Thị P3 (mẹ của bị cáo Phi L2) có bồi thường 30.000.000 đồng.

Số tiền còn lại 301.100.000 đồng bị hại anh Q và anh H2 yêu cầu các bị cáo T1, K, T2, H, D1, Tiểu L1, Phi L2, P và D2 liên đới tiếp tục bồi thường. Cụ thể: Bị cáo K bồi thường 40.000.000 đồng; bị cáo T1 41.300.000; bị cáo T2 bồi thường 31.300.000 đồng; bị cáo Tiểu L1 bồi thường 31.300.000 đồng; bị cáo D1 bồi thường 41.300.000 đồng; bị cáo D2 bồi thường 41.300.000 đồng; bị cáo Phi L2 bồi thường 11.300.000 đồng; bị cáo P bồi thường 31.300.000 đồng; bị cáo H bồi thường 32.000.000 đồng. Ngoài ra anh Q và anh H2 không có yêu cầu gì khác.

Các bị cáo T1, K, T2, H, D1, Tiểu L1, Phi L2, P và D2 đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại anh Q với anh H2 là phù hợp với quy định tại Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Hiện nay ông Nguyễn Thành L đã nộp thay cho bị cáo K số tiền 35.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn N nộp thay cho bị cáo T1 15.000.000; bà Trương Thị T7 nộp thay cho bị cáo T1 11.875.000 đồng; bà Tăng Thị Phương T3 nộp thay cho bị cáo T2 20.000.000 đồng; Bà Trương Thị T7 nộp thay cho bị cáo Tiểu L1 20.000.000 đồng; ông Nguyễn Tùng G1 nộp thay cho bị cáo H 27.000.000 đồng; bà Ngô Nhật P1 nộp thay cho bị cáo P 36.300.000 đồng; bà Nguyễn Thị Phương D3 nộp thay cho bị cáo D2 36.300.000 đồng; bà Nguyễn Trần Thái U đã nộp 10.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh để bồi thường cho bị hại anh Q và anh H2.

Tại phiên tòa, gia đình các bị cáo không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường khắc phục. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy 01 két nhựa màu xanh, có chữ PEPSI màu trắng, đã qua sử dụng; 01 vỏ chai thủy tinh màu xanh, trên thân chai có chữ 7UP, đã qua sử dụng; 01 cây xăm gạo bằng kim loại, dài khoảng 40cm, cán xăm màu đỏ, mũi xăm gạo nhọn, đã qua sử dụng; 01 cây dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ màu vàng, tổng chiều dài khoảng 45cm, đã qua sử dụng; 01 thanh gỗ hình chữ nhật, dài 1,7m, hai đầu thanh gỗ bị mục, đã qua sử dụng; 01 cây dao

bằng kim loại, màu đen, dài khoảng 80cm, mũi dao nhọn, trên sóng dao có răng cưa; 01 cây dao bằng kim loại, màu đen, dài khoảng 70cm, lưỡi dao màu trắng, mũi dao nhọn cong, đã qua sử dụng; 01 cây dao tự chế bằng kim loại, cán dao bằng gỗ, tổng chiều dài khoảng 60cm, đã qua sử dụng; 01 cái nón bảo hiểm bằng nhựa, màu đen, có kết màu đen, trên đỉnh nón có một vết rách dài khoảng 4cm, đã qua sử dụng là phù hợp với quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ngoài ra, trong quá trình đánh nhau thì T2, H, P, D1 và Tiểu L1 khai nhận bị nhóm của H2 và Q đánh gây thương tích nhưng vết thương nhẹ, nên không đồng ý giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hay yêu cầu bồi thường gì đối với các đối tượng bên nhóm của H2. Đồng thời, xe mô tô của K bị nhóm của H2 (không xác định được là ai) đập bể phần đầu xe, tuy nhiên K đã tự sửa xe và không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

Đối với Dương Công H2, Triệu Thế Q, Lê Văn Chí T6, Lê Ngọc N3 và Nguyễn Hữu N4 có hành vi lấy những khúc cây gỗ và vỏ chai thủy tinh đánh nhau với nhóm của T1, tuy nhiên chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, cơ quan điều tra ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” mức phạt 4.000.000 đồng, đối với những đối tượng trên là phù hợp.

Đối với Nguyễn Trương Ngọc B1 và Nguyễn Minh K1 từ khi phát sinh mâu thuẫn cho đến khi đánh nhau tại Cầu L thì không cầm theo hung khí và không giúp sức gì cho nhóm của H2 trong việc đánh nhau nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[7] Về án phí:

Các bị cáo T1, K, T2, H, D1, Tiểu L1, Phi L2, P và D2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo K, T1, P, D2, T2, T, Phi L2, Nguyễn D1, H đã tác động gia đình tự nguyện nộp số tiền để bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa thì không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Riêng số tiền chưa bồi thường còn lại thì phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo K, bị cáo Phi L2 là có cơ sở nên được chấp nhận. Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo D2 là chưa có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Quốc T1; bị cáo Nguyễn Tăng Hoài T2; bị cáo Trần Hữu P; bị cáo Nguyễn Chí K; Bị cáo Nguyễn Đức H; bị cáo Trương Tiểu L1, bị cáo Nguyễn Văn Phi L2; bị cáo Nguyễn D1; bị cáo Nguyễn Thành D2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 134; Điều 17 điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 47; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Quốc T1 (Tuấn L4) 04 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/3/2024.

Căn cứ điểm c,d khoản 3 Điều 134; Điều 17 điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 47; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tăng Hoài T2 04 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/4/2024.

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 134; Điều 17 điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 47; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Xử phạt bị cáo Trần Hữu P 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04/7/2024.

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 134; Điều 17 điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 47; Điều 38; Điều 58; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí K 04 (Bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30/3/2024.

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 47; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 5 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/4/2024

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 47; Điều 38; Điều 58; của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Trương Tiểu L1 03 (ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/4/2024.

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 134; Điều 17 điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 47; Điều 38; Điều 58; Điều 91, Điều 101 của Bộ

luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Phi L2 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/4/2024

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 47; Điều 38; Điều 58; của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy 0 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 07/5/2024.

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 47; Điều 38; Điều 58; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành D2 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04/7/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 các Điều 584, 585, 586, 588, 589, 590 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Công nhận việc phía gia đình các bị cáo và các bị hại Q và H2 đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường tổng số tiền 446.100.000 đồng, trong đó số tiền các bị hại đã nhận là 145.000.000 đồng, số tiền tạm giữ tại Chi cục thi hành án huyện Vĩnh Thạnh là 237.200.000 đồng, còn lại số tiền 63.900.000 đồng, buộc các bị cáo T1 phải nộp 5.000.000 đồng, K 5.000.000đ; T2 phải nộp thêm 11.300.000 đồng, H 5.000.000 đồng, Tiểu L1 11.300.000 đồng, D1 5.000.000 đồng, P 5.000.000 đồng, D2 5.000.000 đồng và Phi L2 11.300.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về vật chứng: thu tiêu hủy: 01 kết nhựa màu xanh, có chữ PEPSI màu trắng, đã qua sử dụng; 01 vỏ chai thủy tinh màu xanh, trên thân chai có chữ 7UP, đã qua sử dụng; 01 cây xăm gạo bằng kim loại, dài khoảng 40cm, cán xăm màu đỏ, mũi xăm gạo nhọn, đã qua sử dụng; 01 cây dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ màu vàng, tổng chiều dài khoảng 45cm, đã qua sử dụng; 01 thanh gỗ hình chữ nhật, dài 1,7m, hai đầu thanh gỗ bị mục, đã qua sử dụng; 01 cây dao bằng kim loại, màu đen, dài khoảng 80cm, mũi dao nhọn, trên sóng dao có răng cưa; 01 cây dao bằng kim loại, màu đen, dài khoảng 70cm, lưỡi dao màu trắng, mũi dao nhọn cong, đã qua sử dụng; 01 cây dao tự chế bằng kim loại, cán dao bằng gỗ, tổng

chiều dài khoảng 60cm, đã qua sử dụng; 01 cái nón bảo hiểm bằng nhựa, màu đen, có kết màu đen, trên đỉnh nón có một vết rách dài khoảng 4cm, đã qua sử dụng. *(Vật chứng được lưu giữ tại kho vật chứng thuộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh theo Quyết định chuyển vật chứng số 45/QĐ-VKSVT ngày 07/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ).*

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng Quốc T1; bị cáo Nguyễn Tăng Hoài T2; bị cáo Trần Hữu P; bị cáo Nguyễn Chí K; bị cáo Nguyễn Đức H; bị cáo Trương Tiểu L1, bị cáo Nguyễn Văn Phi L2; bị cáo Nguyễn D1; bị cáo Nguyễn Thành D2 mỗi người phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng T1; bị cáo Trần Hữu P; bị cáo Nguyễn Chí K; bị cáo Nguyễn Đức H; bị cáo Nguyễn D1; bị cáo Nguyễn Thành D2 mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Trương Tiểu L1, Bị cáo Nguyễn Tăng Hoài T2 bị cáo Nguyễn Văn Phi L2 mỗi bị cáo phải chịu 565.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

5. Bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng có người liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CAND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nhật Trường